

# TÓM TẮT KẾT QUẢ ĐIỀU TRA CHỌN MẪU DÂN SỐ VÀ KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH TRUNG QUỐC NĂM 2006

Ủy ban nhà nước Trung Quốc về Dân số và KHHGD đã thực hiện cuộc điều tra chọn mẫu cấp quốc gia về Dân số và KHHGD lần thứ 6 trong tháng 8/2006. Cuộc điều tra đã được thực hiện bằng phương pháp chọn mẫu xác suất với 120 đơn vị được chọn trong mẫu điều tra, trong đó bao gồm 1200 làng bản, 44.572 hộ gia đình, 163.626 người và 33.257 phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. Kết quả phúc tra tại 28 địa bàn ở 6 tỉnh đã cho thấy cuộc điều tra đã thành công. Sau đây là một số nội dung cơ bản từ kết quả điều tra.

## 1. Tình hình cơ bản về khả năng sinh sản

Mức độ sinh sản vẫn tương đối ổn định trong nhiều năm qua, nhưng trong vài năm gần đây số liệu cho thấy đã tăng lên nhưng không đáng kể. Trong 2 năm 2004, 2005 và từ tháng 6/2005 đến 8/2006, tổng tỉ suất sinh (TFR) của phụ nữ đang trong độ tuổi sinh đẻ tương ứng là 1,59; 1,74 và 1,87; Tỉ suất kết hôn lần đầu tương ứng là 1,23; 1,16 và 1,11; Tỉ lệ sinh 1 con tương ứng là 1,07; 1,23 và 1,32. Tỉ lệ giới tính của trẻ khi sinh chênh lệch rất cao; đã có nhiều vùng lên tới 127 vào thời kì 1996-2005.

## 2. Sinh con theo mong muốn

Tỉ lệ trung bình trẻ sinh ra theo ý muốn của người mẹ là 1,73 con. Tỉ lệ trung bình trẻ sinh ra theo ý muốn của bà mẹ nông nghiệp là 1,78 con và của bà mẹ sống ở những vùng phi nông nghiệp là 1,6 con. Tỉ lệ trung bình trẻ sinh ra theo ý muốn của người mẹ sống ở phía Đông, phía Tây và toàn quốc tương ứng là 1,70; 1,77 và 1,74.

Những phụ nữ chưa kết hôn trong độ tuổi sinh đẻ thường mong muốn có 1,46 con, rõ ràng là ít hơn so với những phụ nữ đã kết hôn (1,76 con). Có đến 57,6% phụ nữ trong độ tuổi sinh sản mong muốn có được 1 con trai và 1 con gái, còn 31,6% thì lại không quan tâm đến giới tính.

Có 60,2% phụ nữ chưa kết hôn trong độ tuổi sinh sản không quan tâm đến việc chồng họ có phải là con một trong gia đình hay không.

## 3. Biện pháp tránh thai (BPTT)

Tổng tỉ lệ tránh thai ở phụ nữ đã kết hôn trong độ tuổi sinh sản là 84,6% trong năm 2006. Tỉ lệ tránh thai ở phụ nữ đã kết hôn tại các vùng nông nghiệp và các vùng phi nông nghiệp tương ứng là 84,5% và 84,7%. Những biện pháp tránh thai thường được dùng là biện pháp có tác dụng lâu dài, bao gồm triệt sản và ngăn ngừa thụ thai trong tử cung được các cặp vợ chồng áp dụng là 87,2%, trong khi bao cao su chỉ có 10,0 % số cặp vợ chồng đã kết hôn sử dụng.

Về việc lựa chọn biện pháp tránh thai, có 76,1% phụ nữ được cùng với chồng quyết định lựa chọn sử dụng BPTT và còn 18,7% trường hợp là do cán bộ KHHGD quyết định và cung cấp dịch vụ tránh thai. Các cán bộ KHHGD quyết định 22,2% số trường hợp của phụ nữ ở vùng nông nghiệp và 9,0% trường hợp đối với phụ nữ ở những vùng phi nông nghiệp. Trong số những người đã phẫu thuật để ngăn ngừa thụ thai, triệt sản hoặc đặt thuốc trong âm đạo,

33,1% đã được các bác sĩ có chuyên môn cao tư vấn. Kết quả điều tra cho thấy 35,6% số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã kết hôn và từng sử dụng biện pháp tránh thai “chưa được giáo dục kỹ lưỡng” hay “chưa hề biết gì” về tác dụng phụ của các biện pháp tránh thai.

Trong số những ca phẫu thuật để ngăn ngừa thụ thai, triệt sản hoặc đặt thuốc trong âm đạo thì có 57,8% trong số đó là miễn phí; bao gồm 62,6% ca phẫu thuật dành cho phụ nữ nông nghiệp và 41,5% ca phẫu thuật dành cho phụ nữ phi nông nghiệp. Đối với phụ nữ đã kết hôn có hộ khẩu thường trú không thời hạn, có 58,8% được hưởng dịch vụ miễn phí, nhiều hơn so với con số 47,5% của phụ nữ di cư.

#### 4. Sức khỏe sinh sản

Trong số phụ nữ thuộc độ tuổi sinh sản được khảo sát, 22,6% đã từng nạo thai trung bình khoảng 0,27 lần. Số thống kê các lần phá thai của phụ nữ nông thôn là 0,24 lần và của phụ nữ di cư từ nơi khác là 0,37. Từ năm 2000 đến 2005, tỉ lệ trẻ sơ sinh chết yếu là 0,27.

Sáu tháng trước cuộc điều tra, có 34,1% phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ đã có ít nhất là 1 lần bị viêm nhiễm cơ quan sinh sản, 55,1% đã tới bệnh viện. 38,0% phụ nữ trong độ tuổi sinh sản ở vùng nông nghiệp từng có ít nhất là 1 lần bị viêm nhiễm cơ quan sinh sản, 53,3% đã tới bệnh viện. Đối với phụ nữ ở những vùng phi nông nghiệp, 24,0% từng ít nhất là một lần bị viêm nhiễm cơ quan sinh sản, 62,4% đã đi tới bệnh viện. 30,1% phụ nữ di cư trong độ tuổi sinh đẻ từng ít nhất là một lần bị viêm nhiễm cơ quan sinh sản, 57,3% đã tới bệnh viện. Đối với phụ nữ trong độ tuổi sinh sản có hộ khẩu thường trú lâu dài, 34,6% đã có ít nhất là một lần bị viêm nhiễm cơ quan sinh sản và

54,8% đã tới bệnh viện. 74,3% và 85,4% phụ nữ trong độ tuổi sinh sản đã từng nghe nói tới bệnh lây qua đường tình dục và HIV/AIDS; 82,7% và 91,7% phụ nữ di cư đã từng nghe nói tới bệnh lây qua đường tình dục và HIV/AIDS.

#### 5. Dân số di cư

Tỉ lệ dân di cư đối với các phụ nữ đã kết hôn trong độ tuổi sinh đẻ được điều tra khảo sát là 11,7%. 16,5% phụ nữ di cư trong độ tuổi sinh sản đã kết hôn có con dưới 14 tuổi không sống cùng.

#### 6. Chính sách thưởng khuyến khích thực hiện KHHGD

Có 61,2% các gia đình một con đã được nhận giấy chứng nhận danh dự sinh 1 con. 47,7% gia đình một con tại các vùng nông nghiệp đã được nhận giấy chứng nhận danh dự sinh 1 con, và 79,4% gia đình một con tại các vùng phi nông nghiệp đã được nhận giấy chứng nhận danh dự sinh 1 con. 74,6% số người đủ điều kiện để nhận tiền thưởng vì gia đình sinh một con đã được nhận tiền thưởng đúng hạn. 73,5% người dân ở vùng nông nghiệp có đủ điều kiện để nhận tiền thưởng vì gia đình sinh một con đã nhận được tiền thưởng đúng hạn; 75,5% người dân ở vùng phi nông nghiệp có đủ điều kiện để nhận tiền thưởng vì gia đình sinh một con đã nhận được tiền thưởng đúng hạn. 70,9% số dân di cư có đủ điều kiện để nhận tiền thưởng vì gia đình sinh một con đã nhận được tiền thưởng đúng hạn và 75,0% số dân có hộ khẩu thường trú có đủ điều kiện để nhận tiền thưởng vì gia đình sinh một con đã nhận được tiền thưởng đúng hạn.

Có 70,0% phụ nữ đã kết hôn trong độ tuổi sinh đẻ được điều tra tại các khu vực hẻo lánh cho biết họ đã nghe nói tới Bộ

phận hỗ trợ xã hội dành cho các gia đình thực hiện tốt chính sách KHHGD. 73,2% phụ nữ đã kết hôn trong độ tuổi sinh đẻ được điều tra tại các khu vực hẻo lánh ở phía Tây cho biết họ đã nghe nói tới Bộ phận hỗ trợ xã hội dành cho các gia đình thực hiện tốt chính sách KHHGD. Có 66,8% phụ nữ đã kết hôn trong độ tuổi sinh đẻ được điều tra tại các khu vực hẻo lánh ở vùng thành phố cho biết họ đã nghe nói tới Bộ phận hỗ trợ xã hội dành cho các gia đình thực hiện tốt chính sách KHHGD. Có 75,3% phụ nữ đã kết hôn trong độ tuổi sinh đẻ được điều tra tại các vùng nông nghiệp cho biết họ đã nghe nói tới Bộ phận hỗ trợ xã hội

dành cho các gia đình thực hiện tốt chính sách KHHGD.

Có 18,6% hộ gia đình được khảo sát cho biết có thể sống dựa vào lương hưu. 23,6% gia đình thực hiện tốt chính sách KHHGD có thể sống dựa vào lương hưu, nhiều hơn các gia đình không thực hiện KHHGD (4,2%). 6,0% gia đình ở các vùng hẻo lánh có thể sống dựa vào lương hưu, chủ yếu bằng phương thức lương hưu từ phúc lợi tập thể ■

**TS. Nguyễn Quốc Anh** (giới thiệu)

**Nguồn:** China Population Today, Tập 24, Số 1.2008